TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 6 – 2026
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc Khánh
Bà Trương Ánh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Tô Huyền Trang - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1659/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn L, sinh năm 1990; số CCCD: 072…
Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Kim L1, sinh năm: 2001; số CCCD: 096…
Địa chỉ cư trú: khóm A, Phường A, tỉnh Cà Mau.(có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1990
Địa chỉ: Nhà không số, hẻm Đ, khóm A, Phường A, tỉnh Cà Mau.(xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trình bày của ông Võ Văn L trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, ông và bà Lê Kim L1 chung sống với nhau từ năm 2023, đến năm 2025 thì đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cãi vã, không có tiếng nói chung, ông và bà L1 đã ly thân nhau hơn 08 tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng không hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn với bà L1.

Về con chung, ông bà có 01 con chung tên là Võ Văn D – sinh ngày 18/12/2023, hiện nay con đang ở với mẹ là bà L1. Khi ly hôn, ông yêu cầu giao con cho bà L1 tiếp tục nuôi, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho

đến khi con đủ 18 tuổi. định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày 10/6/2026.

Về tài sản chung, ông xác định không có.

Về nợ chung, không có. Đối với số nợ 10.000.000đ của bà Nguyễn Thị Ú theo như trình bày của bà Lụa L2 nợ riêng của bà L1, khi ly hôn, ông đồng ý để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trình bày của bà Lê Kim L1 trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như ông L trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân nhau hơn 08 tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, ông L yêu cầu ly hôn, bà cũng đồng ý ly hôn với ông L.

Về con chung, ông bà có 01 con chung tên là Võ Văn D – sinh ngày 18/12/2023, hiện nay con đang ở với bà. Khi ly hôn, bà đồng ý tiếp tục nuôi con chung, đồng ý việc ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày 10/6/2026.

Về tài sản chung, bà xác định không có.

Về nợ chung, vợ chồng có nợ bà Nguyễn Thị Ú số tiền 10.000.000đ để phục vụ sinh hoạt gia đình, mua sữa cho con. Khi ly hôn, bà đồng ý để tự thỏa thuận với bà Ú, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trình bày của bà Nguyễn Thị Ú trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Vào khoảng năm 2025, bà có cho vợ chồng ông L và bà L1 vay nhiều lần, mỗi lần 01 hoặc 02 triệu đồng, tổng cộng là 10.000.000đ, không tính lãi, không làm biên nhận vay. Nay ông L và bà L1 ly hôn, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để các bên tự thương lượng, thỏa thuận với nhau, trường hợp có tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định. Do bận công việc nên bà xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ú có yêu cầu xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Văn L, xét thấy, ông L và bà Lê Kim L1 chung sống với nhau từ năm 2023, đến ngày 06/3/2025 thì đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh, số Giấy chứng nhận kết hôn 11/2025, nên hôn nhân được xác định là hợp pháp. Ông L và bà L1 đều cho rằng, vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng

đã ly thân nhau hơn 08 tháng nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông L xin ly hôn, bà L1 cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, thực tế hôn nhân giữa ông L và bà L1 đã có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, nay ông L và bà L1 thống nhất ly hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn.

[4] Về con chung, ông bà có 01 con chung tên là Võ Văn D – sinh ngày 18/12/2023, hiện nay con đang ở với bà L1. Khi ly hôn, ông L và bà L1 đều thống nhất thỏa thuận, ông L giao con cho bà L1 tiếp tục nuôi, ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày 10/6/2026. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, ông L và bà L1 đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông L cho rằng vợ chồng không có nợ chung, khoản nợ 10.000.000đ của bà Nguyễn Thị Ú là nợ riêng của bà L1. Còn bà L1 và bà Ú đều cho rằng, khoản nợ 10.000.000đ của bà Ú là khoản nợ chung của vợ chồng L và L1 trong thời kỳ hôn nhân, mượn để mua sữa cho con. Tuy nhiên, bà Ú không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ này trong vụ án ly hôn giữa ông L và bà L1, khi nào không thương lượng thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác, do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[7] Ông L và bà L1 thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm nên mỗi bên phải chịu 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông L nhận nộp thay cho bà L1 75.000.000đ này. Ngoài ra, ông L còn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Võ Văn L ly hôn với bà Lê Kim L1.

2/ Về con chung: Buộc ông Võ Văn L giao con chung tên là Võ Văn D, sinh ngày 18/12/2023 cho bà Lê Kim L1 trực tiếp nuôi. Ông Võ Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày 10/6/2026. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà L1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông L còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về tài sản chung: không có.

4/ Về nợ chung: Không đề cập xem xét giải quyết.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình tổng cộng là 150.000đ, án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ. Tổng cộng, ông L phải nộp 450.000đ. Ngày 13/4/2026, ông L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo Biên lai thu số 0004232 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ, ông L phải nộp tiếp số tiền 150.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông L, bà L1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Ú có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- THADS khu vực 1 – Cà Mau;
- UBND xã Tân Đông, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kim Oanh